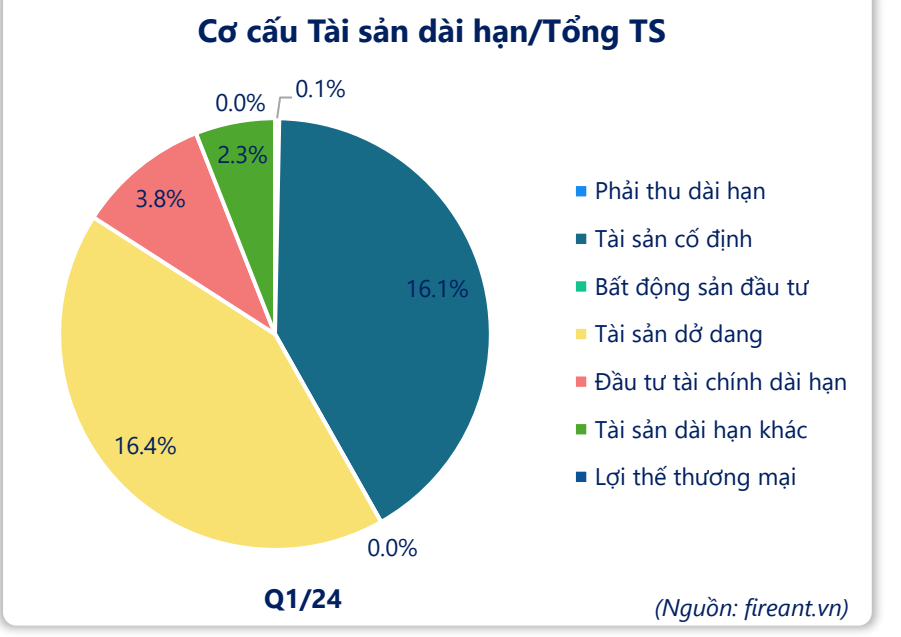
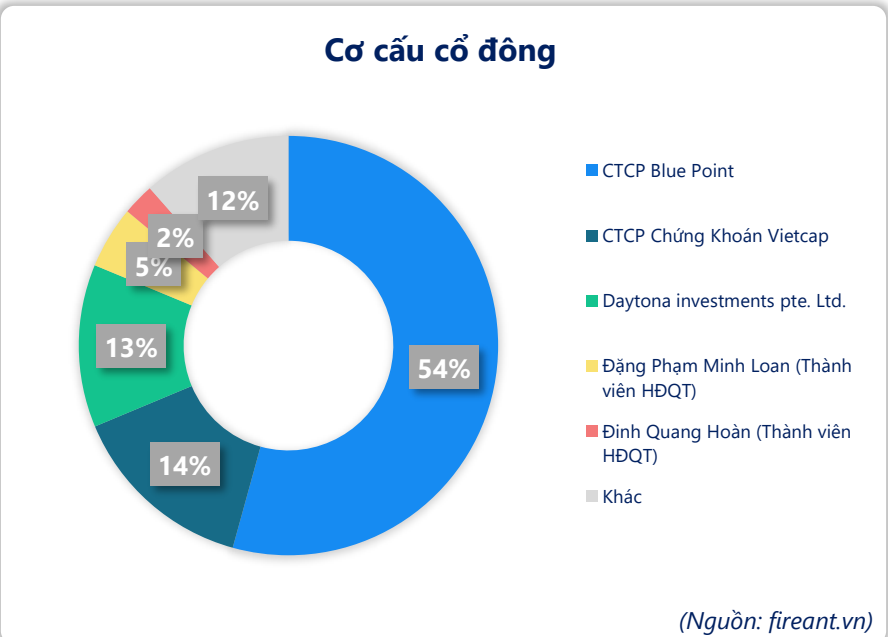
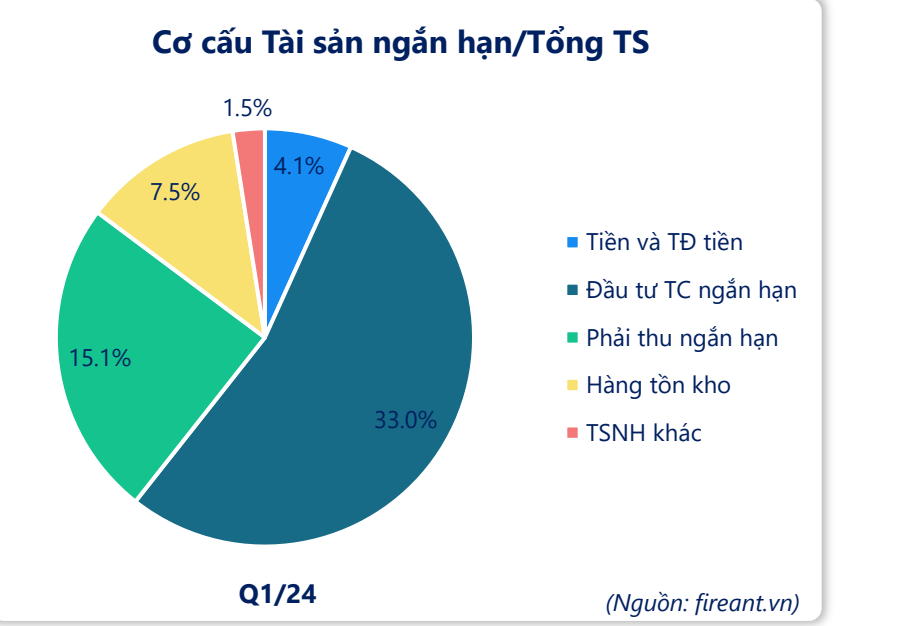
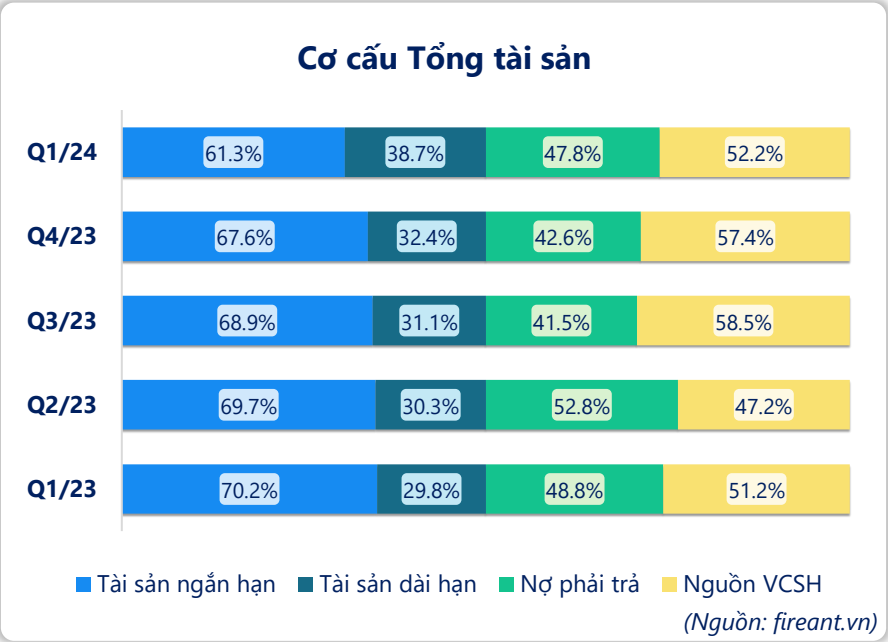
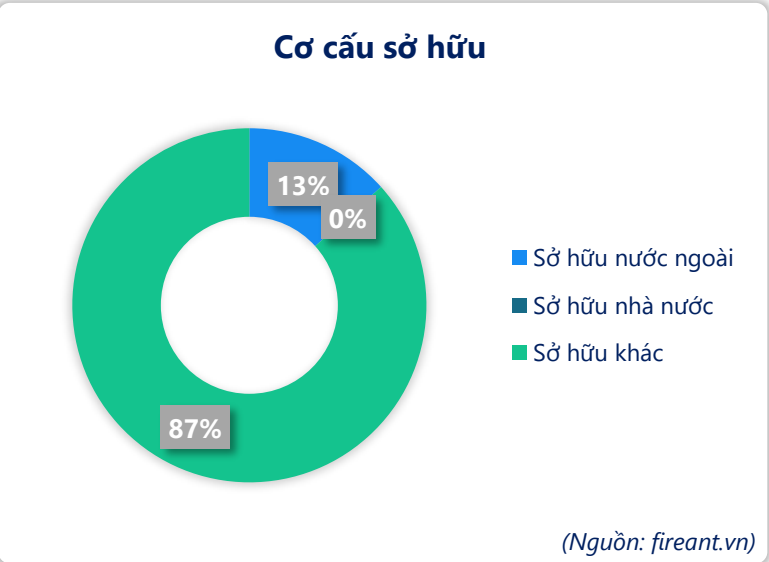
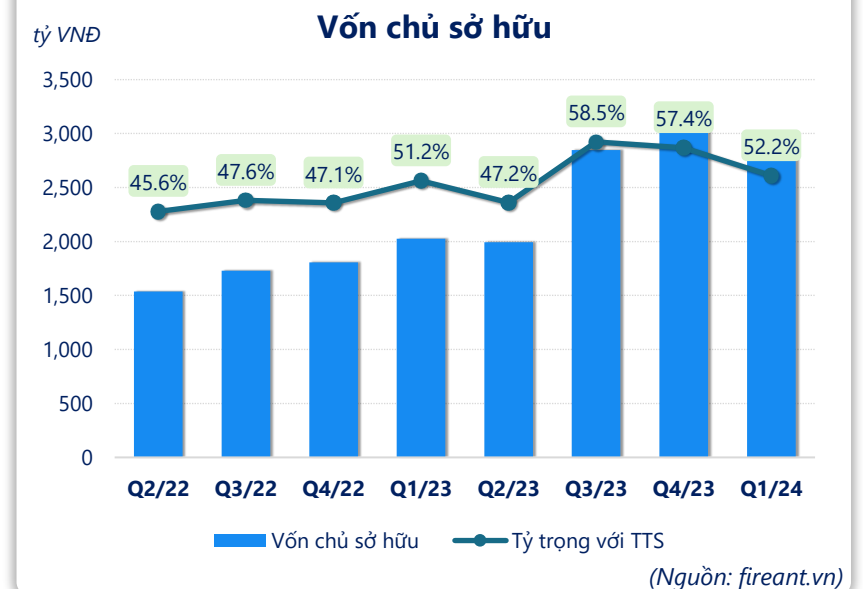
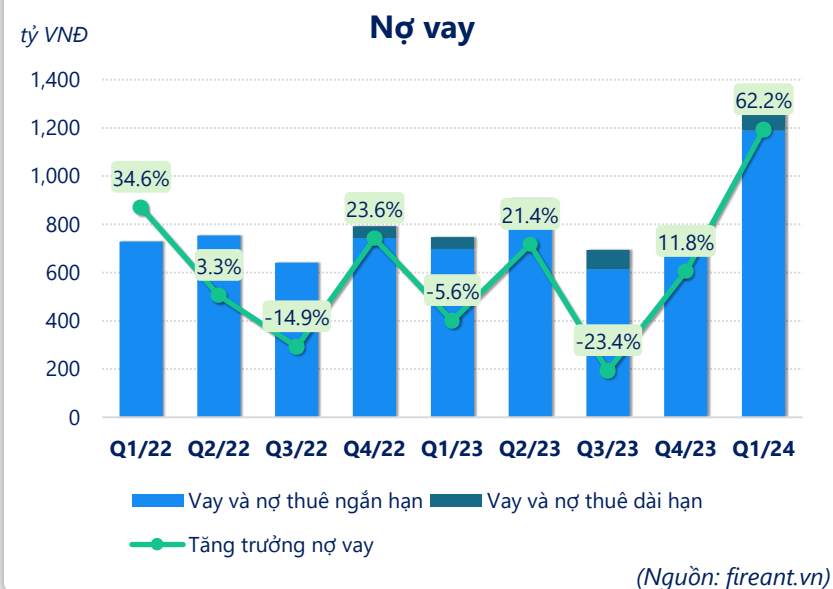
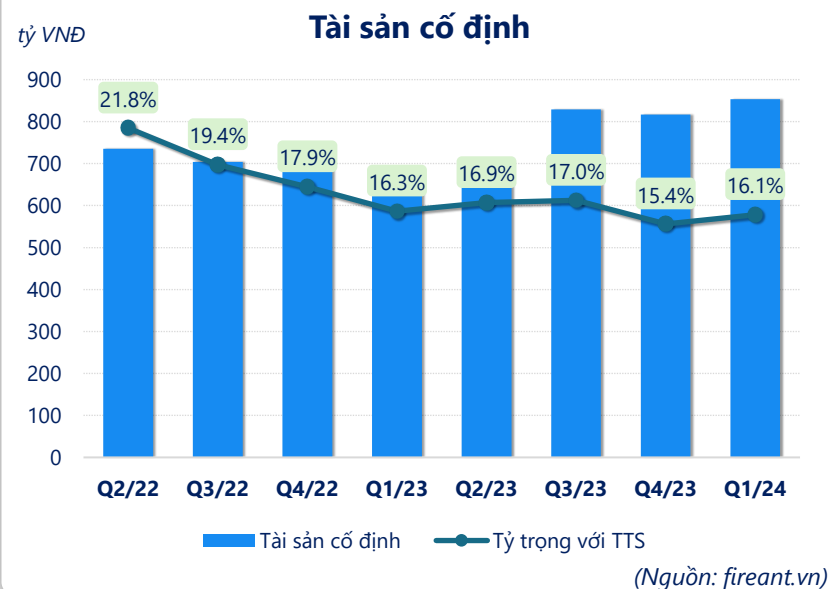
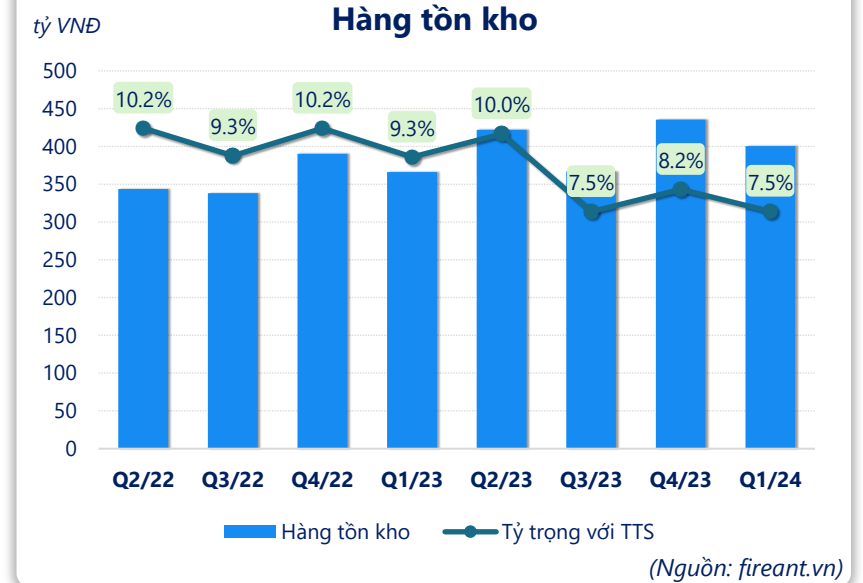
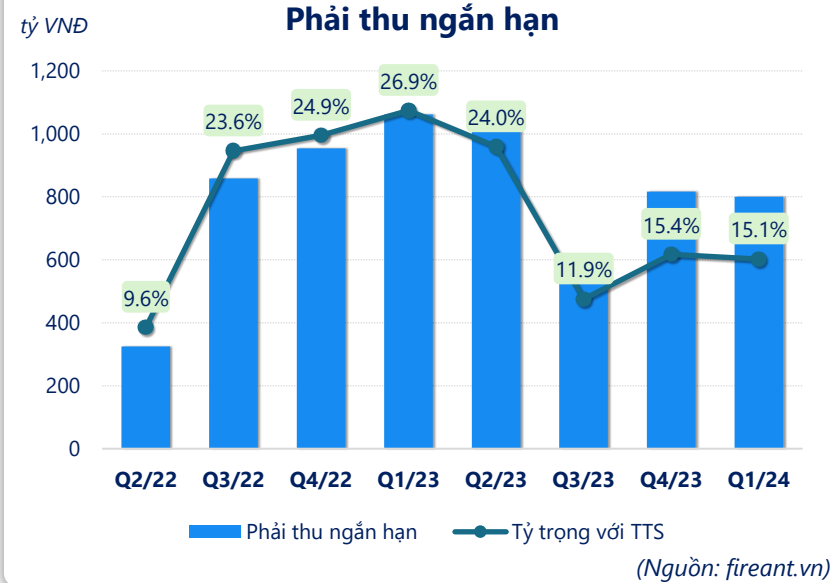
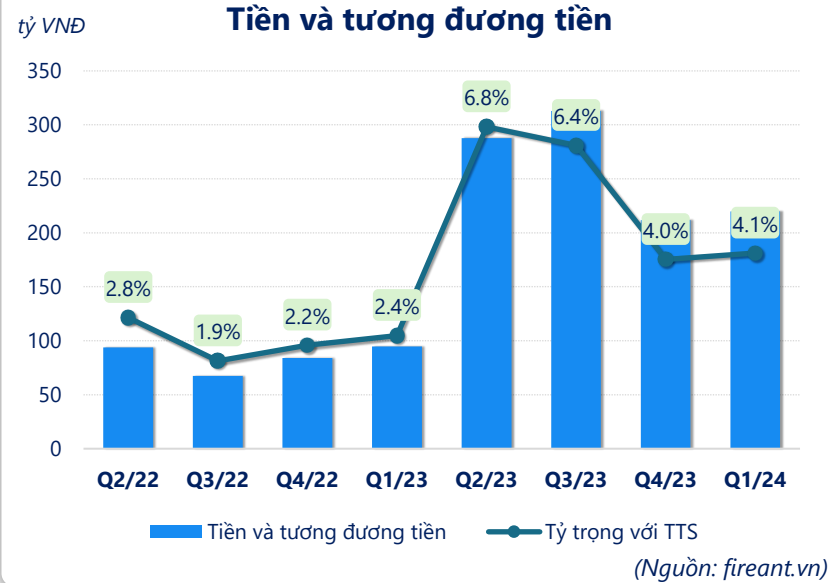
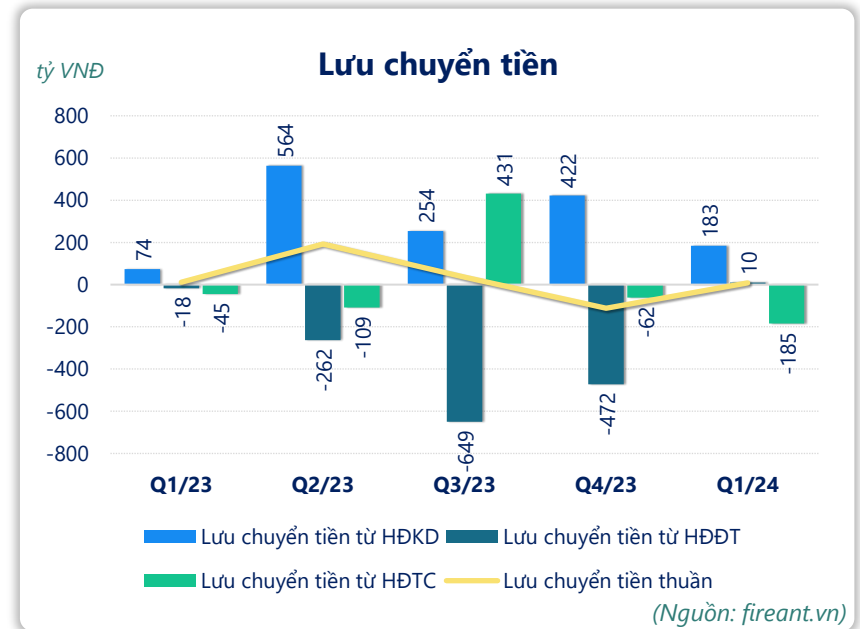
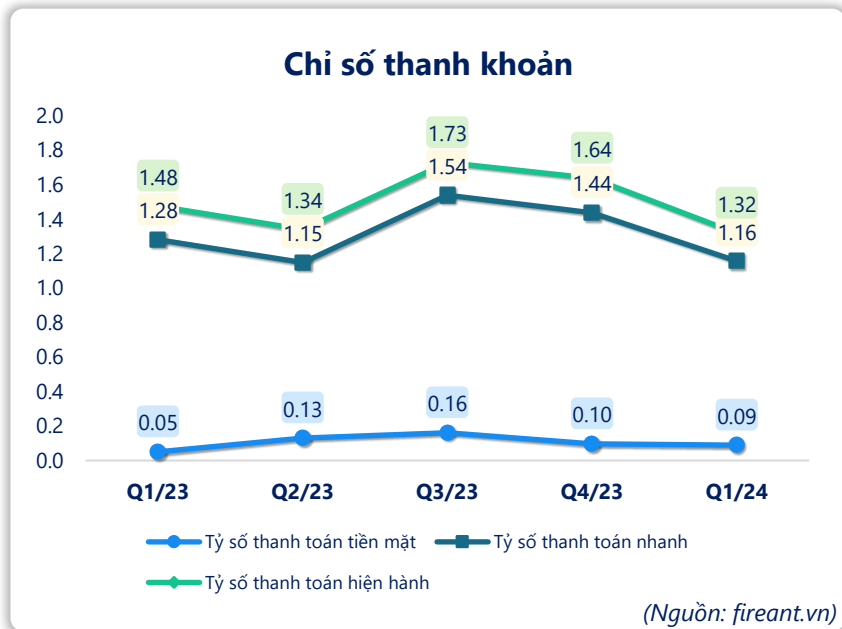
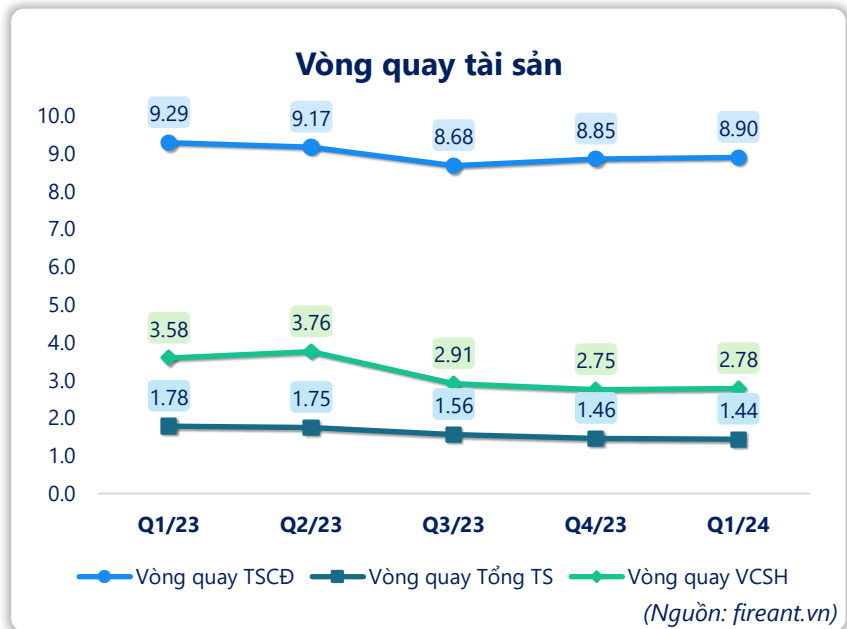
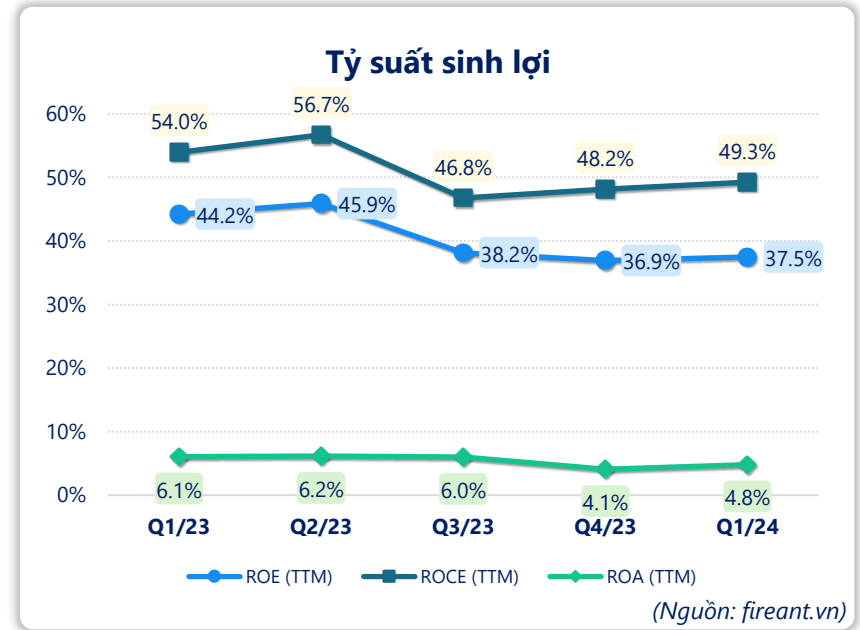
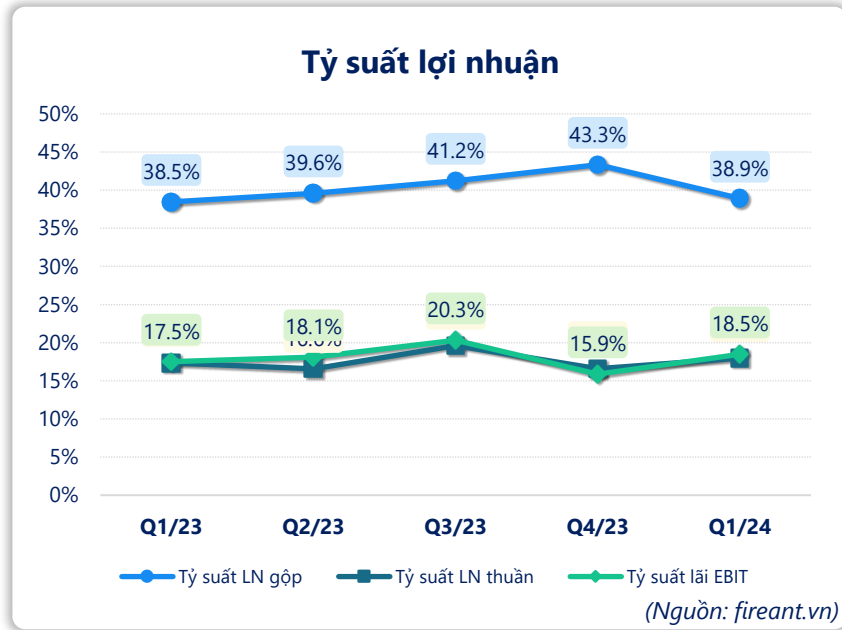
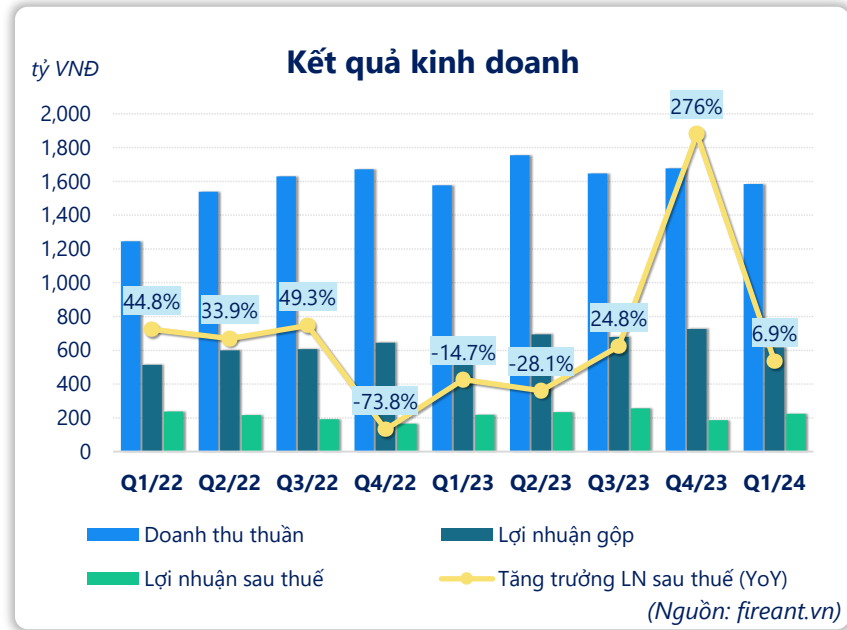


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		253,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		309,237
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		157,567
SL cổ phiếu LH		61,804,472
KLGD BQ 20 phiên (CP)		315
% sở hữu nước ngoài		13.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		15,637
P/E		17.4
EPS		14,550

	YTD	1T	3T	6T
IDP	4.7%	1.2%	6.8%	4.7%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	5,311	5,244	1.3%
Tài sản ngắn hạn	3,255	3,497	-6.9%
Tiền và tương đương tiền	220	212	3.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,754	2,048	-14.4%
Phải thu ngắn hạn	800	740	8.1%
Hàng tồn kho	401	435	-8.0%
Tài sản ngắn hạn khác	80.8	61.3	31.9%
Tài sản dài hạn	2,056	1,747	17.7%
Phải thu dài hạn	6.53	7.14	-8.6%
Tài sản cố định	853	817	4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	869	596	45.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	204	204	0.0%
Tài sản dài hạn khác	123	123	-0.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,540	2,180	16.5%
Nợ ngắn hạn	2,470	2,144	15.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,189	741	60.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	689	663	3.9%
Nợ dài hạn	70.2	35.7	96.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	70.2	35.7	96.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,771	3,065	-9.6%
Vốn chủ sở hữu	2,771	3,065	-9.6%
Vốn điều lệ	618	614	0.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	1,577	1,755	1,646	1,677	1,584
Giá vốn hàng bán	970	1,060	967	950	968
Lợi nhuận gộp	606	695	679	727	616
Doanh thu HĐTC	26.0	32.4	36.2	51.7	37.0
Chi phí TC	16.3	19.1	18.2	5.52	13.8
Chi phí lãi vay	0	26.4	10.6	5.48	7.17
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	300	361	323	467	307
Chi phí QLDN	42.3	56.1	51.1	27.9	47.1
LN thuần từ HĐKD	274	291	323	278	285
Lợi nhuận khác	2.77	0.52	0.98	-17.3	0.63
LN trước thuế	276	291	324	261	286
Lợi nhuận sau thuế	218	234	255	186	223
LNST của CĐ cty mẹ	218	234	255	186	223

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	73.8	564	254	422	183
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.7	-262	-649	-472	10.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-44.7	-109	431	-61.7	-185
Tiền đầu kỳ	84.1	94.8	288	313	212
Lưu chuyển tiền thuần	11.4	192	35.9	-112	8.84
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.75	0.64	-0.80	0.85	-0.71
Tiền cuối kỳ	94.8	288	313	212	220

(Nguồn: fireant.vn)